TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **2216/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2022
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nở.
Bà Đặng Thị Huệ Tú.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 303/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 6088/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thị Đ**, sinh năm 1988; địa chỉ: Nhật Bản.

- *Bị đơn:* Ông **Lý Hồng T**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ X1, ấp T, Xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2021 (đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Osaka, Nhật Bản chứng thực cùng ngày 01 tháng 12 năm 2021) và tại Bản tự khai ngày 30 tháng 6 năm 2022 (đã được Ủy ban nhân dân Phường X2,Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực chữ ký), nguyên đơn bà Thị Đ trình bày:

Ngày 29 tháng 11 năm 2007, bà và ông Lý Hồng T đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3. Quá trình chung sống, giữa bà và ông Lý Hồng T thường xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi về vấn đề con chung, công việc... Gia đình hai bên

đã nhiều lần cố gắng tạo cơ hội để vợ chồng bà hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả, hai người đã sống ly thân trong một thời gian dài. Kể từ khi bà đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, bà và ông T không còn liên hệ với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Lý Hồng T.

Về con chung: Giữa bà và ông Lý Hồng T có 01 con chung là Lý Vạn T, giới tính: Nam, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018 hiện trang sống cùng ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; do ông T không yêu cầu bà cấp dưỡng nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông Lý Hồng T không có nợ chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn ông Lý Hồng T trình bày:

Ông và bà Thị Đ đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 ngày 29 tháng 11 năm 2007. Ông đồng ý ly hôn bà Thị Đ.

Về con chung: Giữa ông và bà Thị Đ có 01 con chung là Lý Vạn T, giới tính: Nam, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018 hiện đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu bà Thị Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung cho bị đơn ông Lý Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn không yêu cầu bà Thị Đ cấp dưỡng cho con. Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của các đương sự tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về ly hôn. Nguyên đơn trong vụ án là bà Thị Đ hiện đang cư trú tại Nhật Bản; bị đơn ông Lý Hồng T cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của các đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 11 năm 2007, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn bà Thị Đ giữa bà và ông Lý Hồng T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng về nhiều vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, dù đã cố gắng nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ. Kể từ thời điểm bà Thị Đ sang Nhật Bản làm việc, giữa hai người không còn liên hệ với nhau. Bị đơn ông Lý Hồng T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong vụ án này, giữa bà Thị Đ và ông Lý Hồng T đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, hai người không còn thực tế chung sống, không còn tồn tại tình nghĩa vợ chồng. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và bị đơn cũng đồng ý thể hiện không ai còn ý định hàn gắn, đoàn tụ gia đình, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thị Đ, giải quyết cho bà Thị Đ được ly hôn ông T.

[2.2] Về con chung: Giữa bà Thị Đ và ông Lý Hồng T có 01 con chung là Lý Vạn T, giới tính: Nam, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018; các đương sự cùng đồng ý

khi ly hôn ông Lý Hồng T là người trực tiếp nuôi con, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bị đơn là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng cho con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 19, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Đ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Đ được ly hôn ông Lý Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Xã T2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 11 năm 2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giữa bà Thị Đ và ông Lý Hồng T có 01 con chung là Lý Vạn T, giới tính: Nam, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2018. Giao con chung cho ông Lý Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà Thị Đ cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo Biên lai thu tiền số X4 ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Thị Đ cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng; bị đơn ông Lý Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Xã T2, huyện C, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn

303-INST-30 12 21
1 000106 361219 14.02.2022 13:41
Thị Đen

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Nở	**Đặng Thị Huệ Tú**	**Nguyễn Văn Tuấn**

303-HNGT-30 12 21
1 000106 361219
14.02.2022 13:41
Thị Đen